

Bản án số: 102/2018/HS-ST

Ngày: 28/11/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THẮT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Ninh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đỗ Thị Thúy Nga

Bà Nguyễn Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Sáng, Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất tham gia phiên tòa: Ông Phùng Văn Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 106/2018/TLST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2018/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Kiều Văn A, sinh năm 1992 tại huyện A1, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Thôn 3, xã A2, huyện A1, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Kiều Văn A3 và bà Nguyễn Thị A4; Vợ: Vũ Thị A; Con: có 01 con sinh năm 2015; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ từ ngày 07/9/2018 đến 16/9/2018, bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. Phùng Văn B, sinh năm 1993 tại huyện A1, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Thôn 6, xã A2, huyện A1, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phùng Văn B1 và bà Nguyễn Thị B2; Vợ: Nguyễn Thị B3; Con: có 01 con sinh năm 2015; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án hình sự số

62/2011/HSST ngày 09/11/2011 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, thời gian thử thách 22 tháng 24 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị cáo đã chấp hành xong án phí vào ngày 28/9/2012. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/9/2018 đến 15/10/2018, bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Bị hại Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn C1, xã C2, huyện C3, TP. Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Đức D, sinh năm 1991 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Cụm 2, xã D1, huyện D2, TP. Hà Nội.

- Anh Nguyễn Văn E, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn C1, xã C2, huyện C3, TP. Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên Kiều Văn A đã nói với Phùng Văn B xem ai có xe không để mượn và đi cầm thì A sẽ đưa cho B 1.000.000đ, sau khi cả hai bàn bạc và đi đến thống nhất mượn xe của người quen để cầm cố lấy tiền và A sẽ đưa cho B 4.000.000đ. Khoảng 23 giờ ngày 20/08/2018, Phùng Văn B gặp anh Nguyễn Văn C tại quán game TIGER thuộc thôn 6, xã A2, huyện A1, TP Hà Nội là người B quen biết. Thấy anh C có xe mô tô, B đã lấy lý do mượn xe máy của C để đưa A về và hẹn một lúc sau sẽ trả xe cho C. C tin tưởng nên đã giao xe mô tô Exciter màu xám - đen, số máy: G3D4E-421377, số khung: RLCUG0610HY402271 cho B. Sau khi mượn được xe, B không đưa A về nhà mà cùng A đi cầm cố nhưng không được, do đã mượn nên A và B đi về nhà nghỉ Hoàng Gia thuộc xã Tân Xã - A1 - Hà Nội để nghỉ qua đêm rồi sáng ngày hôm sau sẽ mang đi cầm cố. Tại nhà nghỉ Hoàng Gia, A và B cùng thống nhất với nhau là A sẽ là người mang xe đi cầm cố, số tiền cầm cố được sẽ chia đôi và A sẽ là người chịu trách nhiệm chuộc xe trả lại cho C. Khoảng 08 giờ 30 ngày 21/8/2018, A thức dậy nhưng không thấy B đâu nên đã gọi điện cho B và biết được B đã mang xe mô tô trên đi cầm cố nhưng không được. A gọi B mang xe về để A đi cầm cố. Khoảng 14 giờ ngày 21/8/2018, A mang xe mô tô trên đến cầm cố cho anh Nguyễn Đức D lấy 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Số tiền cầm cố xe, A đưa cho B 4.000.000đ (Bốn triệu đồng), cả hai đã tiêu xài cá nhân hết.

Sau nhiều lần đòi xe không được, ngày 05/9/2018, anh Nguyễn Văn C đã làm đơn tố giác hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của B và A.

Gia đình các bị cáo Kiều Văn A, Phùng Văn B đã chuộc xe mô tô nêu trên và giao nộp cho Cơ quan CSĐT.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 54/KL-HĐĐG ngày 10/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Thạch Thất kết luận về giá trị của xe máy Yamaha Exciter màu xám - đen, số máy: G3D4E-421377, số khung: RLCUG0610HY402271 đã qua sử dụng là 37.506.000đ (Ba mươi bảy triệu năm trăm linh sáu nghìn đồng).

Về dân sự: Anh Nguyễn Văn C, anh Nguyễn Văn E và anh Nguyễn Đức D không có yêu cầu đề nghị gì về bồi thường thiệt hại.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bản cáo trạng số 105/CT-VKS ngày 15/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội truy tố các bị cáo Kiều Văn A, Phùng Văn B về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ B quan điểm truy tố và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 174; Điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Kiều Văn A từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 48 tháng đến 5 năm kể từ ngày tuyên án.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Phùng Văn B từ 30 đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 5 năm kể từ ngày tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản án đã nêu. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu đã thu thập trong hồ sơ, tang vật của vụ án và lời khai người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Do cần tiền tiêu sài nên ngày 20/08/2018,

Kiều Văn A đã bàn với Phùng Văn B mượn xe để cầm lấy tiền, Phùng Văn B đã lấy lý do mượn xe máy của Nguyễn Văn C để đưa A về và hẹn một lúc sau sẽ trả xe cho C. C tin tưởng nên đã giao xe mô tô Exciter màu xám – đen không biển kiểm soát có số máy: G3D4E-421377, số khung: RLCUG0610HY402271 cho B. Sau khi lấy được xe Kiều Văn A đã mang sang huyện D2 cầm cố cho anh Nguyễn Đức D được 10.000.000 đồng. Sau đó A đưa cho B số tiền 4.000.000đ, số tiền còn lại A tiêu sài cá nhân hết. Chiếc xe mô tô trên có trị giá 37.506.000đ (Ba mươi bảy triệu năm trăm linh sáu nghìn đồng).

Hành vi nêu trên của các bị cáo đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Cơ quan điều tra Công an huyện Thạch Thất đề nghị Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất truy tố các bị cáo theo khoản 2 Điều 174 với tình tiết định khung “có tổ chức”. Tuy nhiên, HĐXX xét thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 17 BLHS năm 2015 và tiêu mục 3 mục I Nghị quyết số 02/HĐTP/NQ ngày 16/11/1988 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về phạm tội có tổ chức thì “phạm tội có tổ chức” là phải có sự câu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm. Trong thực tế, sự câu kết này có thể thể hiện dưới các dạng như: Những người đồng phạm đã tham gia một tổ chức phạm tội; Những người đồng phạm đã cùng nhau phạm tội nhiều lần theo một kế hoạch đã thống nhất trước; Những người đồng phạm chỉ thực hiện tội phạm một lần, nhưng đã tổ chức thực hiện tội phạm theo một kế hoạch được tính toán kỹ càng, chu đáo, có chuẩn bị phương tiện hoạt động và có khi còn chuẩn bị cả kế hoạch che giấu tội phạm. Trong trường hợp này, giữa B và A tuy có bàn bạc trước về việc cùng mượn xe để đi cầm lấy tiền nhưng sự câu kết này chưa chặt chẽ, chưa có sự tính toán kỹ càng, không chuẩn bị phương tiện hoạt động và cả kế hoạch che giấu tội phạm. Vì vậy, HĐXX xét thấy trong trường hợp này, hành vi của A và B không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức mà chỉ thuộc trường hợp đồng phạm thông thường. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất truy tố các bị cáo theo khoản 1 Điều 174 là có căn cứ và đúng pháp luật.

Về vị trí vai trò của các bị cáo trong vụ án như sau: A là người khởi xướng việc phạm tội, A là người trực tiếp mang xe đi cầm cố cho Nguyễn Đức D và hưởng số tiền nhiều hơn từ tài sản chiếm đoạt.

Bị cáo B là người thực hành việc lừa đảo, cụ thể là đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt xe của bị hại. Sau khi chiếm đoạt được xe, B đã trực tiếp mang đi cầm xe để lấy tiền tiêu sài nhưng không cầm được. Do vậy, vai trò của hai bị cáo là ngang nhau.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về nhân thân: Tại Bản án hình sự số 62/2011/HSST ngày 09/11/2011 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội xử phạt Phùng Văn B 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, thời gian thử thách 22 tháng 24 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị cáo đã chấp hành xong án phí vào ngày 28/9/2012. Bị cáo chấp hành xong thời gian thử thách vào ngày 02/9/2013. Bị cáo được đương nhiên xóa án tích vào từ ngày 02/9/2014. Bị cáo được coi là có nhân thân tốt theo hướng dẫn tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015.

- Các bị cáo và gia đình các bị cáo đã chuộc xe mô tô nêu trên và giao nộp cho Cơ quan điều tra để trả lại cho bị hại nên các bị cáo được hưởng tình tiết người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015.

- Bị cáo Kiều Văn A phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015.

- Ngày 10/9/2018, bị hại là anh Nguyễn Văn C có đơn “đơn xin rút đơn khởi kiện” với mục đích để hai bên tự hòa giải, không yêu cầu Cơ quan điều tra truy cứu trách nhiệm với các bị cáo, nên HĐXX quyết định áp dụng cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của công dân nên cần phải có hình phạt nghiêm khắc để giáo dục các bị cáo thành người tốt, có ích cho xã hội và răn đe, phòng ngừa tội phạm nói chung. Tuy nhiên, bị cáo A có nhân thân tốt, bị cáo B được coi là có nhân thân tốt, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, ổn định nên HĐXX xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo cũng đủ điều kiện giáo dục các bị cáo thành người tốt. Giao các bị cáo cho chính quyền nơi cư trú và gia đình giám sát, giáo dục.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại xe Exciter, màu xám - đen, số máy: G3D4E-421377, số khung: RLCUG0610HY402271, có đầy đủ giấy tờ hợp pháp để xác định chủ sở hữu của xe mô tô trên là anh Nguyễn Văn E là anh trai ruột của Nguyễn Văn C. Cơ quan CSĐT đã trao trả xe mô tô trên cho anh Nguyễn Văn E là chủ sở hữu hợp pháp. Anh Nguyễn Văn E không có yêu cầu đề nghị gì về bồi thường thiệt hại nên HĐXX không xem xét.

Đối với anh Nguyễn Đức D có hành vi kinh doanh dịch vụ cầm đồ nhưng không thực hiện đầy đủ các quy định về quản lý an ninh, trật tự đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện. Khi đến cầm cố xe, A đã đưa ra thông tin sai sự thật về nguồn gốc, chủ sở hữu của xe mô tô trên nhằm mục đích đảm bảo cho việc cầm cố tài sản cho D. Do vậy, D không biết xe mô tô mà A cầm cố là do phạm tội mà có. Vì vậy, Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý D về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Công an huyện Thạch Thất đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền, số tiền là: 750.000đ là có căn cứ và đúng pháp luật.

Về dân sự: Anh Nguyễn Văn C, anh Nguyễn Văn E và anh Nguyễn Đức D không có yêu cầu đề nghị gì về bồi thường thiệt hại nên HĐXX không xem xét.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Kiều Văn A, Phùng Văn B phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự 2015, xử phạt bị cáo **Kiều Văn A** 18 (Mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 36 tháng kể từ ngày tuyên án.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự 2015, xử phạt bị cáo **Phùng Văn B** 24 (Hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 48 tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao các bị cáo Kiều Văn A và Phùng Văn B cho UBND xã A2, huyện A1, TP. Hà Nội giám sát, giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã A2 trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Kiều Văn A, Phùng Văn B mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Công an huyện Thạch Thất
- VKSND huyện Thạch Thất;
- Chi cục THA dân sự huyện Thạch Thất;
- TAND Thành phố Hà Nội;
- UBND xã A2, huyện A1;
- Bị cáo, bị hại; Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tạ Thị Ninh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA